

Số: 03 /2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3340/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2015 về việc đề nghị ban hành Quy định một số nội dung về đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, các Công văn số 2730/STC-TCDN ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Sở Tài chính và Công văn số 2785/SKHĐT-TĐGSĐT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định một số nội dung về đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2014 và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Lao động thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Cục trưởng Cục thuế thành phố Đà Nẵng; Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng; Giám đốc Trung tâm điều hành đèn giao thông và Vận tải công cộng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND thành phố ĐN;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND quận, huyện;
- VP UBND thành phố: Phòng QLĐT, Phòng KTTH, Phòng KTN, Phòng NC-PC;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, QLĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thọ

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số .03../2016/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 01 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải công cộng (sau đây viết tắt là VTCC) bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu” và các quy định hiện hành khác liên quan đến dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước được giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí để thực hiện các dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt, các cơ quan được ủy quyền tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ; các tổ chức trong nước (doanh nghiệp, hợp tác xã) có tư cách pháp nhân, hoạt động hợp pháp, có đủ điều kiện và chức năng cung cấp dịch vụ VTCC bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, một số từ ngữ chuyên ngành được hiểu như sau :

1. *Vận tải công cộng bằng xe buýt*: Là hoạt động vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định có các điểm dừng đón, trả khách và phương tiện chạy theo biểu đồ vận hành.

2. *Phương tiện VTCC bằng xe buýt*: Là xe buýt chở khách theo tiêu chuẩn được quy định bởi Bộ Giao thông vận tải.

3. *Tuyến xe buýt*: Là tuyến vận tải khách cố định bằng xe buýt, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón trả khách theo quy định và phải được cơ quan có thẩm quyền duyệt công bố mở tuyến.

Tuyến xe buýt có các loại:

Tuyến xe buýt nội thị: Là tuyến xe buýt có điểm đầu hoặc điểm cuối tuyến trong nội đô thành phố Đà Nẵng;

Tuyến xe buýt liên kê: Là tuyến xe buýt có lộ trình đi từ trung tâm thành phố Đà Nẵng đến các vùng liên kê.

4. *Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng:* Là các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt bao gồm: đường dành riêng cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, nhà chờ; điểm trung chuyển; bãi đỗ xe buýt; trạm điều hành; trạm bảo dưỡng sửa chữa, trạm cung cấp năng lượng cho xe buýt.

5. *Đấu thầu cung cấp dịch vụ VTCC bằng xe buýt:* Là quá trình tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ có năng lực, kinh nghiệm tốt nhất đáp ứng được các yêu cầu của bên mời thầu, trên cơ sở cạnh tranh công bằng, minh bạch và hiệu quả.

Điều 4. Xây dựng các tuyến xe buýt thực hiện đấu thầu

Các tuyến xe buýt tổ chức đấu thầu phải nằm trong Kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm của thành phố và do thành phố bảo đảm đủ kinh phí để thực hiện, bao gồm:

1. Tuyến xe buýt mở mới theo các kế hoạch, đề án và quy hoạch phát triển mạng lưới tuyến VTCC bằng xe buýt của thành phố.

2. Tuyến xe buýt xã hội hóa đã hết thời gian khai thác theo hợp đồng cần phải xây dựng kế hoạch đấu thầu lại hoặc được giao đặt hàng.

3. Tuyến xe buýt nội thị có trợ giá.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các nhà thầu cung cấp dịch vụ

Nhà thầu cung cấp dịch vụ được lựa chọn trúng thầu cung cấp dịch vụ có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Có quyền và nghĩa vụ đối với các chính sách ưu đãi hiện hành của chính phủ và thành phố đối với lĩnh vực VTCC trong đô thị.

2. Được sử dụng chung hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt của thành phố.

3. Được thành phố tạo điều kiện cho thuê đất sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng văn phòng, nhà xưởng, bãi đỗ xe theo đúng các quy định về quản lý đất đai, quản lý đầu tư và xây dựng cũng như được hưởng các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Được tạo điều kiện để tham gia nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các đề tài nghiên cứu có liên quan đến VTCC bằng xe buýt. Được hỗ trợ và chuyển giao công nghệ tiên tiến liên quan đến VTCC bằng xe buýt thuộc các chương trình tài trợ cho thành phố của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ hợp đồng giao nhận và cung cấp dịch vụ VTCC bằng xe buýt đã ký kết. Đảm bảo thực hiện đúng các cam kết đã ghi trong hợp đồng về số lượng, chất lượng, thời gian cung ứng dịch vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về dịch vụ do mình cung cấp. Được thanh toán đúng, đủ giá trị hợp đồng cung ứng dịch vụ. Có các quyền lợi và nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Có trách nhiệm tham gia thực hiện các chương trình, đề án, dự án về VTCC của thành phố trong thời gian thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ.

7. Tổ chức hạch toán kinh tế, quản lý và sử dụng lao động theo đúng quy định của pháp luật.

8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, của cơ quan quản lý thực hiện hợp đồng và phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực VTCC bằng xe buýt.

Chương II

ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ VẬN TẢI CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt các nội dung công việc của quá trình đấu thầu

1. Danh mục các tuyến xe buýt tổ chức đấu thầu: Sở Giao thông Vận tải thẩm định và UBND thành phố phê duyệt Danh mục, thông số kỹ thuật và dự toán các tuyến xe buýt tổ chức đấu thầu do bên mời thầu lập và trình. Thời gian thẩm định tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình và thời gian phê duyệt tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Sở Tài chính thẩm định và UBND phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu do bên mời thầu lập và trình. Thời gian thẩm định tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình và thời gian phê duyệt là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.

3. Hồ sơ mời thầu: Sở Tài chính thẩm định và UBND thành phố phê duyệt Hồ sơ mời thầu do bên mời thầu lập và trình. Thời gian thẩm định tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình và thời gian phê duyệt tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

4. Kết quả lựa chọn nhà thầu: Sở Tài chính thẩm định và UBND thành phố phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu do bên mời thầu trình. Thời gian thẩm định tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình và thời gian phê duyệt tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của bên mời thầu hoặc báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

Điều 7. Chi phí trong đấu thầu

Nguồn kinh phí bảo đảm cho quá trình đấu thầu: Cơ quan tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được sử dụng nguồn kinh phí theo quy định để chi phí cho quá trình đấu thầu, giải quyết các kiến nghị của nhà thầu.

Điều 8. Quy định về chất lượng phương tiện (xe buýt)

Phương tiện (xe buýt) do nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu phải đảm bảo các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, niên hạn theo các quy định của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải tại các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành, ngoài ra phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định của thành phố Đà Nẵng. Ưu tiên đối với nhà thầu tham gia đấu thầu đầu tư xe mới.

Điều 9. Kiểm tra, giám sát thực hiện cung cấp dịch vụ

1. Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí đã được UBND thành phố giao để thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ VTCC bằng xe buýt trên địa bàn thành phố. Xây dựng các quy định và tổ chức lực lượng để kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán và xử lý vi phạm trong hoạt động VTCC bằng xe buýt.

2. Trung tâm Điều hành đèn tín hiệu giao thông và Vận tải công cộng quản lý việc thực hiện hợp đồng và phạt vi phạm theo các điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng; lập kế hoạch sử dụng phần kinh phí thu được cho hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ VTCC trình Sở Giao thông Vận tải xem xét và trình UBND thành phố phê duyệt.

Điều 10. Thanh toán, quyết toán hợp đồng cung cấp dịch vụ

Trình tự và thủ tục thanh toán, quyết toán dịch vụ VTCC bằng xe buýt thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 11. Xử lý vi phạm, tranh chấp

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu cung cấp dịch vụ VTCC bằng xe buýt sử dụng ngân sách nhà nước thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính. Đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật đấu thầu thì bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu. Cá nhân, tổ chức khi thi hành nhiệm vụ, công

vụ có hành vi gây thiệt hại cho người khác thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc, thủ tục xử lý vi phạm, thủ tục thi hành quyết định xử phạt, hình thức xử phạt, mức phạt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác liên quan.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa cơ quan tổ chức đấu thầu với nhà thầu, nếu không tự thoả thuận được sẽ được giải quyết tại Toà án theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức thẩm định Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán cho các dự án liên quan đến VTCC và trình UBND thành phố phê duyệt.

2. Chỉ đạo, kiểm tra việc đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định hiện hành.

3. Ban hành văn bản hướng dẫn về quy trình tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát, nghiệm thu và thanh quyết toán sản phẩm dịch vụ xe buýt. Xây dựng và trình UBND thành phố ban hành các tiêu chí, quy định về quản lý dịch vụ VTCC bằng xe buýt trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Điều chỉnh lộ trình, hành trình chạy xe trên tuyến để đảm bảo hoạt động giao thông đi lại được thông suốt vì mục đích chung của thành phố và giải quyết những vấn đề bổ sung, phát sinh do điều chỉnh lộ trình, hành trình chạy xe đảm bảo lợi ích của nhà thầu cung cấp theo các nguyên tắc đã nêu trong hợp đồng.

5. Kiểm tra báo cáo của Trung tâm điều hành đèn tín hiệu giao thông và Vận tải công cộng về khối lượng hoàn thành của các hợp đồng liên quan đến dịch vụ VTCC bằng xe buýt, xác nhận và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc quyết toán kinh phí trợ giá cho các nhà thầu cung cấp VTCC bằng xe buýt.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tham mưu UBND thành phố bố trí dự toán ngân sách hàng năm đối với kinh phí trợ giá VTCC bằng xe buýt.

2. Phối hợp cùng Sở Giao thông Vận tải xác định chi phí vận hành, doanh thu, trợ giá của tuyến buýt.

3. Phối hợp trong việc quyết toán kinh phí trợ giá cho các nhà thầu cung cấp VTCC bằng xe buýt.

4. Phối hợp với Sở Giao thông Vận tải trình UBND thành phố điều chỉnh hợp đồng khi có biến động về giá.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát cân đối ngân sách hàng năm để phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và báo cáo UBND thành phố.

Điều 15. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước thành phố

1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ thanh toán theo hợp đồng cung cấp dịch vụ VTCC bằng xe buýt để thực hiện kiểm soát chi và giải ngân cho các hợp đồng đấu thầu, cung cấp dịch vụ kịp thời, đúng quy định.

2. Định kỳ hàng tháng, quý và năm gửi báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện cho các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của Cục thuế thành phố

1. Kiểm tra, đôn đốc các nhà cung cấp dịch vụ chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách theo luật thuế hiện hành.

2. Thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, phí, lệ phí đối với lĩnh vực VTCC theo quy định của Nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm của Trung tâm Điều hành đèn tín hiệu giao thông và Vận tải công cộng.

1. Tổ chức triển khai lập danh mục, hồ sơ Thiết kế kỹ thuật – Dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu, trình kết quả lựa chọn nhà thầu các tuyến xe buýt tổ chức đấu thầu.

2. Tổ chức đấu thầu các tuyến VTCC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo theo đúng quy định, ký kết các hợp đồng liên quan đến dịch vụ VTCC bằng xe buýt.

3. Tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát, điều hành hoạt động VTCC và công tác trợ giá cho hoạt động VTCC.

4. Chủ trì trong công tác nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành của các hợp đồng liên quan đến dịch vụ VTCC bằng xe buýt, báo cáo Sở Giao thông Vận tải kiểm tra, xem xét.

5. Lập kinh phí cho công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chất lượng cung cấp dịch vụ VTCC báo cáo Sở Giao thông Vận tải xem xét và trình UBND thành phố phê duyệt.


6. Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn cho người tham gia giao thông về an toàn giao thông và VTCC.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND thành phố và Giám đốc Sở Giao thông Vận tải giao.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và các nhà thầu cung cấp dịch vụ kịp thời phản ánh về Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thọ